

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2023/HSST
Ngày 10 tháng 8 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân;

Bà Xã Thị Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng-Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn-Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với:

Bị cáo: **Quang Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 12/9/1962 tại xã LK, huyện TD, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Bản K1, xã LK, huyện TD, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quang Văn Q (đã chết) và bà Lương Thị C (đã chết); có vợ là Lữ Thị L và 01 (một) con;

Tiền sự: 01 (một): Quyết định xử phạt hành chính số 54/QĐ-XPHC ngày 21/01/2022 của Công an huyện KS về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/7/2023 đến nay; hiện đang tại ngoại; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn H - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Quang Văn Th1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Bản CM, xã LK, huyện TD, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người làm chứng: Bà Lữ Thị L, sinh năm 1962; nơi cư trú: Bản K1, xã LK, huyện TD, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người chứng kiến: Anh Và Bá C; sinh năm 1990; nơi cư trú: Bản NC1, xã NC, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số: 44/CT-VKS-KS ngày 18/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện KS đã truy tố bị cáo Quang Văn T về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Quang Văn T đã thừa nhận có hành vi vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản với các tình tiết đúng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, cụ thể là:

Vào khoảng 18 giờ ngày 30/12/2022, Quang Văn T cùng vợ là Lữ Thị L (đều trú tại bản K1, xã LK, huyện TD, tỉnh Nghệ An) điều khiển xe ô tô BKS: 37C-248.69 đi từ bản K1, xã LK, huyện TD vào xã Na Ngoi, huyện KS để thu mua lá dong. Khi đến khu vực bản Ka Nội, xã Na Ngoi thì Quang Văn T và Lữ Thị L đi hai hướng khác nhau để thu mua lá dong. Khi Lữ Thị L đi được một đoạn thì gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết tên “Khò” bán 10 tấm gỗ Samu, Lữ Thị L hỏi mua 10 tấm gỗ này với giá 7.000.000 đồng. Sau khi mua số gỗ trên, Lữ Thị L liên lạc với Quang Văn T đến rồi cùng người đàn ông tên Khò vận chuyển 10 tấm gỗ Samu bỏ vào thùng xe bán tải.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Quang Văn T điều khiển xe ô tô bán tải BKS: 37C-248.69 về đến khu vực Bản NC1, xã NC, huyện KS thì bị tổ công tác Công an xã NC phát hiện lập biên bản thu giữ số tang vật gồm 10 tấm gỗ (nghỉ là gỗ Samu) và 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu HILUX.

Tại biên bản xác định khối lượng lấy mẫu giám định vào hồi 16 giờ ngày 03/01/2023 xác định:

- 10 tấm gỗ (nghỉ là gỗ Samu) thu giữ của Quang Văn T và Lữ Thị L có tổng khối lượng 0,585 m³.

Kết luận giám định số 16/CNR-VP ngày 09/01/2023 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam kết luận:

+ Tính đồng nhất và tên gỗ:

Căn cứ đặc điểm cấu tạo thô đại và hiển vi của các mẫu gỗ giám định có số đăng ký lần lượt từ 23004-1 đến 23004-10, kiểm tra so sánh với cơ sở dữ liệu các loại gỗ và tài liệu, kết luận:

STT	Số đăng ký Viện	Tính đồng nhất chủng loại gỗ	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	23004-1	Đồng nhất chủng loại gỗ	Sa mu dầu (Sa mộc dầu)	Cunninghamia konishii Hayata (<i>Cunninghamia kawakamii Hayata</i>)
2	23004-2			
3	23004-3			
4	23004-4			
5	23004-5			
6	23004-6			
7	23004-7			
8	23004-8			
9	23004-9			
10	23004-10			

+ Nhóm gỗ, danh mục Cites:

- Loại gỗ Sa mu dầu (*Cunninghamia konishii*) được xếp Nhóm I trong “*Bảng phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước*” ban hành kèm theo Quyết định số 2198-CNR ngày 26/11/1977 của Bộ Lâm nghiệp- nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Loài cây gỗ Sa mu dầu (*Cunninghamia konishii*) thuộc nhóm IA trong “*Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm*” ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Loài cây gỗ Sa mu dầu (*Cunninghamia konishii*) không có tên trong “*Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (Cites)*” ban hành kèm theo Thông báo số 296/TB-CTVN-HTQT ngày 27/11/2019 của Cơ quan quản lý CITES Việt Nam- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Tình trạng bảo tồn:

- Loài cây gỗ sa mu dầu (*Cunninghamia konishii*) có trong “*Danh mục các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ*” ban hành kèm theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quang Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”. Áp dụng điểm m khoản 1 Điều 232, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt tiền bị cáo Quang Văn T từ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) đến 55.00.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng); đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định; về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Quang Văn T đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Thừa nhận hành vi vận chuyển trái phép lâm sản của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận tội và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo không có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên; Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định pháp luật.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người chứng kiến, tuy nhiên quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án. Do đó, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo Quang Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ ngày 30/12/2022, tại Bản NC1, xã NC, huyện KS, Quang Văn T đã có hành vi vận chuyển 10 (mười) tấm gỗ Samu có khối lượng 0,585m³ nhằm mục đích để sử dụng khi chưa được sự cho phép của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Mặc dù khối lượng gỗ thuộc danh mục loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ mà bị cáo đã tàng trữ dưới mức tối thiểu theo quy định của Bộ luật Hình sự tuy nhiên bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Vận chuyển lâm sản trái pháp luật*” (Quyết định xử phạt hành chính số 54/QĐ-XPHC ngày 21/01/2022 của Công an huyện KS), vì vậy, hành vi đó của bị cáo Quang Văn T đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm m khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; Nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý và bảo vệ rừng của Nhà nước, trực tiếp xâm phạm đến hệ sinh thái rừng được Nhà nước bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương, hậu quả của hành vi mà bị cáo đã thực hiện là không thể lường trước được, gây mất cân bằng sinh thái, đa dạng sinh học rừng, gây xói mòn đất, lũ lụt, khô hạn. Do đó cần xử lý bị cáo Quang Văn T nghiêm minh trước pháp luật, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng thấy rằng: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được các hướng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, số lượng vật phạm pháp không lớn và cũng chỉ nhằm mục đích sử dụng mà không có mục đích lợi nhuận, do đó chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt

tiền (là hình phạt chính) cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, là lao động chính trong gia đình nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Các đối tượng liên quan:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên “Khò” đã bán gỗ cho Lữ Thị L, quá trình điều tra không xác minh được danh tính cụ thể, Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ, khi nào có kết quả sẽ được xử lý.

Đối với Lữ Thị L là người cùng tham gia vận chuyển gỗ với Quang Văn T, do khối lượng gỗ chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự và Lữ Thị L chưa có tiền án, tiền sự, số lượng vật phạm pháp chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về vật chứng vụ án: Tịch thu bán hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 10 (mười) tấm gỗ Samu có khối lượng 0,585 m³ thu giữ của Quang Văn T trong vụ án.

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe tải pickup cabin kéo màu bạc, mang BKS: 37C-248.69, số máy: 1GD0236545, số khung: 8CD7G1054365, xe đã qua sử dụng. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã chứng minh được đây là tài sản thuộc sở hữu chung giữa bị cáo Quang Văn T và anh Quang Văn Th1, quá trình bị cáo sử dụng chiếc xe để vận chuyển trái phép lâm sản anh Quang Văn Th1 không được biết, anh Quang Văn Th1 đã có đơn và nguyện vọng xin lại tài sản, do đó trả lại xe ô tô trên cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh, mức hình phạt:

Căn cứ vào điểm m khoản 1 Điều 232, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt tiền bị cáo Quang Văn T 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) về tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại xe tải pickup cabin kéo màu bạc, mang BKS: 37C-248.69, số máy: 1GD0236545, số khung: 8CD7G1054365 cho anh Quang Văn Th1 (sinh năm 1964, trú tại bản CM, xã LK, huyện TD, tỉnh Nghệ An).

- Tịch thu bán hóa giá sung công quỹ nhà nước 0,585 m³ gỗ Sa mu dầu (Sa mộc dầu) thu giữ của Quang Văn T.

Các vật chứng đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28/4/2023 giữa Công an huyện KS và Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Quang Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/5/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện KS;
- Công an huyện KS (Cơ quan điều tra, Cơ quan THA hình sự);
- Chi cục THA dân sự huyện KS;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc